

Xác lập khung pháp lý kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kinh nghiệm nước ngoài và bài học cho Việt Nam

THS. TRẦN THỊ THANH HẢI

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Vấn đề kế toán ở doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và đã được đề cập trong nhiều bài viết. Bài này trình bày tóm tắt đặc điểm chuẩn mực kế toán quốc tế cho DNNVV và quy định kế toán cho DNNVV ở một số quốc gia tiêu biểu như Mỹ, Pháp, Romania, Trung Quốc và VN, đồng thời làm rõ sự khác biệt trong quy định giữa các quốc gia này, từ đó rút ra những vấn đề cần phải nghiên cứu và tiếp cận trong tiến trình hoàn thiện khung pháp lý kế toán phù hợp với các DNNVV VN đồng thời đảm bảo sự tương thích với thông lệ kế toán quốc tế.

Từ khóa: Kế toán, doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Đặt vấn đề

Các quốc gia trên thế giới khác nhau về trình độ phát triển, môi trường kinh doanh, môi trường pháp lý, tốc độ phát triển, đặc điểm văn hoá...do đó hệ thống kế toán các nước không giống nhau là điều tất yếu. Hệ thống kế toán các quốc gia khác nhau chủ yếu ở một số điểm như: Các tổ chức lập quy đảm nhận việc ban hành các quy định về kế toán, các nguyên tắc và phương pháp kế toán, mức độ chi tiết trong các quy định về kế toán, tính thống nhất và linh hoạt trong kế toán, vấn đề ghi nhận, đánh giá, trình bày và công bố các thông tin trên báo cáo tài chính...Các quy định kế toán cho các DNNVV cũng không ngoại lệ. Để tìm hiểu rõ hơn sự khác biệt này, bài viết tập trung làm rõ các vấn đề liên quan đến chuẩn mực kế toán quốc tế cho

DNNVV (IFRS for SMEs) và quy định kế toán cho DNNVV ở một số quốc gia tiêu biểu như Mỹ, Pháp, Romania, Trung Quốc,... từ đó rút ra những vấn đề cần phải nghiên cứu và tiếp cận trong tiến trình hoàn thiện khung pháp lý kế toán cho DNNVV VN. Sở dĩ chúng tôi lựa chọn nghiên cứu quy định kế toán cho DNNVV tại các nơi này là vì mỗi quốc gia được lựa chọn mang tính đại diện cao, có thể tiếp cận để học hỏi được nhiều vấn đề.

Mỹ là quốc gia có sức mạnh kinh tế, tiềm lực chính trị và có sức ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực kế toán, quốc gia này đại diện cho trường phái kế toán Anglo-Saxon. Trong khi đó, Pháp là quốc gia lớn ở châu Âu và là nước đại diện cho trường phái kế toán châu Âu lục địa, mà VN lại là nước chịu ảnh hưởng rất lớn từ nền kế toán này do các đặc điểm về lịch sử, văn hóa. Nếu như

hai quốc gia trên là các nước lớn, hệ thống kế toán đã phát triển ở mức cao thì Romania là nước đi lên từ chủ nghĩa xã hội, chịu ảnh hưởng của kế toán Pháp nói riêng và mang các đặc điểm của trường phái châu Âu lục địa nói chung tương tự như VN. Có thể nói, xuất phát điểm của hệ thống kế toán Romania có nét tương đồng với VN. Tuy nhiên chỉ trong một khoảng thời gian không dài, kế toán Romania đã có những bước phát triển đáng kể theo xu hướng hội nhập toàn diện với kế toán quốc tế. Lịch sử phát triển hệ thống kế toán Romania cũng trải qua nhiều giai đoạn, trong đó có những cuộc bứt phá chúng ta cần xem xét để học hỏi kinh nghiệm, đặc biệt là vấn đề ban hành và vận dụng các văn bản pháp lý trong công tác kế toán của doanh nghiệp, nhất là đối với DNNVV. Bên cạnh đó còn có nước láng giềng Trung

Quốc, quốc gia có hệ thống kế toán với nhiều điểm tương đồng như VN nên nghiên cứu các văn bản pháp lý chi phối công tác kế toán DNNVV Trung Quốc để từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho VN là cần thiết.

Chuẩn mực kế toán quốc tế cho DNNVV (IFRS for SMEs)

IFRS for SMEs do Hội đồng chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) soạn thảo và ban hành chính thức vào năm 2009. Chuẩn mực này gồm 230 trang, được tổ chức theo từng chủ đề (topic), mỗi chủ đề này được trình bày tách biệt thành một phần riêng (section) và có tổng cộng 35 phần như thế. Về nội dung, cơ bản IFRS for SMEs được soạn thảo trên cơ sở bộ chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS/ IFRS), tuy nhiên có sự rút gọn, giảm bớt hoặc đơn giản hóa các quy định để phù hợp với đặc điểm hoạt động của DNNVV, đồng thời giúp cân đối lợi ích – chi phí. Một số cách thức đơn giản hóa quy định của IAS/ IFRS khi soạn thảo IFRS for SMEs được Ủy ban soạn thảo chuẩn mực giới thiệu như: Lược bỏ những nội dung phức tạp không liên quan đến hoạt động của DNNVV, giảm sự lựa chọn về chính sách kế toán, đơn giản hóa một số nguyên tắc ghi nhận và đánh giá, đơn giản hóa yêu cầu trình bày và công bố thông tin, đơn giản hóa ngôn ngữ và cách thức diễn đạt.

2. Kinh nghiệm ở một số quốc gia

2.1. Đặc điểm văn bản pháp lý về kế toán áp dụng cho DNNVV ở Mỹ

Hệ thống kế toán của Mỹ cũng như các quốc gia thuộc trường phái Anglo - Saxon nói chung mang tính linh hoạt và xét đoán nghề nghiệp rất cao, trong đó chuẩn mực kế toán có

vai trò xương sống trong hệ thống kế toán, chi phối toàn bộ hoạt động kế toán tại quốc gia này. Các chuẩn mực kế toán này do Ủy ban chuẩn mực kế toán tài chính (FASB) soạn thảo và ban hành. Đây là tổ chức chịu trách nhiệm ban hành các chuẩn mực nghề nghiệp kế toán và kiểm toán cũng như các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi. Bên cạnh đó, Ủy ban Chứng khoán Mỹ (SEC) cũng có ảnh hưởng đến việc thiết lập các chuẩn mực kế toán trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin của các nhà đầu tư và việc trình bày báo cáo tài chính. Do ở Mỹ, thị trường chứng khoán là nơi cung cấp tài chính chủ yếu cho các doanh nghiệp, khi đó người sử dụng thông tin kế toán chủ yếu là nhà đầu tư. Vì vậy yêu cầu của các đối tượng này về chất lượng thông tin kế toán cung cấp cần phải đảm bảo tính trung thực hợp lý ở mức cao nhất. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929 đã làm cho kế toán Mỹ chuyển hướng, các nhà đầu tư yêu cầu doanh nghiệp phải công bố thông tin kế toán chi tiết hơn và cần phải có sự can thiệp phần nào của nhà nước trong việc kiểm tra tính tuân thủ quy định. Tuy nhiên sự can thiệp của nhà nước ở đây chỉ dừng lại ở mức độ thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm hơn tới tính trung thực, khách quan của báo cáo tài chính công bố cũng như việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán.

Tháng 5 năm 2012, Ủy ban chuẩn mực kế toán Mỹ (FASB) thành lập Hội đồng công ty tư nhân (Private Company Council – PCC) (Ở Mỹ, công ty tư nhân thường là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, không phải là công ty đại chúng). PCC là một bộ phận trực thuộc FASB, hợp tác cùng FASB và tư

vấn cho tổ chức này trong quá trình soạn thảo các chuẩn mực kế toán cho công ty tư nhân. Trước hết PCC sẽ xem xét lại tính phù hợp trong các quy định kế toán của Mỹ (US GAAP) đối với các công ty tư nhân để từ đó đề xuất những thay đổi cần thiết nhằm mục đích cuối cùng là mang lại thông tin đáp ứng nhu cầu người sử dụng báo cáo tài chính. Theo kế hoạch, FASB sẽ nghiên cứu để ban hành chuẩn mực kế toán cho các công ty tư nhân trên cơ sở IFRS for SMEs của quốc tế. Về cơ bản, quan điểm của Mỹ theo hướng hòa hợp và hội tụ với kế toán quốc tế nhưng FASB muốn đưa ra bộ chuẩn mực riêng để phù hợp hơn với đặc điểm DNNVV ở quốc gia này. Tuy nhiên, cho tới nay (tháng 11/2013), PCC mới chỉ cho ra đời một số bản thảo luận, một số hướng dẫn cho các công ty không phải là công ty đại chúng về các vấn đề như: việc áp dụng giá trị hợp lý, kế toán trường hợp hoán đổi lãi suất, kế toán lợi thế thương mại trong hợp nhất kinh doanh đối với công ty tư nhân,...

2.2. Đặc điểm văn bản pháp lý kế toán cho DNNVV ở Pháp

Pháp là quốc gia điển hình cho trường phái kế toán châu Âu lục địa. Hệ thống kế toán của các quốc gia thuộc nhóm châu Âu lục địa nói chung và Pháp nói riêng mang tính thống nhất cao, với sự quy định chặt chẽ của Nhà nước và dựa trên luật định là chủ yếu.

Ở Pháp, Ủy ban quy định kế toán (CRC) là cơ quan trực thuộc Hội đồng kế toán quốc gia (CNC) nắm quyền ban hành các quy định kế toán, sắc lệnh về kế toán và được chính phủ cho phép thực hiện cải cách những vấn đề về kế toán khi cần thiết. Sau đó, Ủy ban chuẩn mực kế toán Pháp (ANC)

được thành lập năm 2009, thay thế cho CNC và CRC và tổ chức này đảm nhiệm chức năng tương tự. Các quy định về kế toán của Pháp không được ban hành dưới dạng các chuẩn mực theo kiểu Mỹ và các quốc gia Anglo - Saxon mà dưới hình thức một hệ thống kế toán thống nhất bao gồm các tài khoản kế toán thống nhất, thường được gọi là tổng hoạch đồ kế toán (PCG). Nội dung PCG này đưa ra các định nghĩa, nguyên tắc kế toán, hệ thống tài khoản, quy định cách thức hạch toán, mẫu biểu và cách thức lập BCTC cũng như các hướng dẫn về kế toán quản trị. Sau khi Cộng đồng châu Âu yêu cầu các doanh nghiệp tham gia trên thị trường chứng khoán châu Âu áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế từ năm 2005, thì tại Pháp, tổng hoạch đồ kế toán (PCG) áp dụng cho BCTC riêng, còn Quy định CRC 99-02 áp dụng cho BCTC hợp nhất đối với các doanh nghiệp không phải là công ty đại chúng và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế được áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty đại chúng (Thịnh, 2013 trích từ Degos & Ouvrad, 2008).

Khi phân loại các doanh nghiệp nhỏ ở Pháp, người ta thường chia làm ba loại chủ yếu là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ không niêm yết và doanh nghiệp nhỏ có niêm yết. Theo quy định của Ủy ban châu Âu, việc áp dụng IFRS là bắt buộc đối với báo cáo tài chính các công ty niêm yết, điều này tạo ra gánh nặng lớn đối với các doanh nghiệp nhỏ niêm yết. Đối với các DNNVV nói chung, ANC luôn nỗ lực để đảm bảo các doanh nghiệp này được lợi từ những quy định kế toán đơn giản, ổn định và thích hợp. Các quy định được cải thiện theo hướng đơn giản hóa và

hiện đại hóa các quy định kế toán cho doanh nghiệp nói chung, có điều chỉnh giảm yêu cầu pháp lý về vấn đề công bố thông tin (trích từ kế hoạch của ANC năm 2011 – 2012). Theo đó ANC đã đưa ra bản dự thảo quy định đối với các doanh nghiệp nhỏ có niêm yết, trong đó đưa ra mẫu biểu BCTC cụ thể cũng như các quy định kế toán đối với các doanh nghiệp này, giảm yêu cầu công bố thông tin và giảm bớt yêu cầu tuân thủ một số chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS1.38, IAS 1. 10, IAS 8.30, IFRS 5. 34, IAS 33. 67,...)

Năm 2010, sau khi IFRS for SMEs được IASB chính thức ban hành, CNC đã tiến hành khảo sát 10.000 DNNVV ở Pháp, trong đó chủ yếu là các công ty gia đình, các doanh nghiệp nhỏ dưới 50 lao động về mong đợi và nhu cầu của các doanh nghiệp này đối với việc áp dụng IFRS for SMEs. Ý kiến phản hồi từ cuộc khảo sát cho thấy việc áp dụng IFRS for SMEs là thích hợp với nhu cầu của các đối tượng bên trong lẫn bên ngoài doanh nghiệp, tuy nhiên sẽ tốn kém và phức tạp hơn. Hầu như tất cả các công ty được khảo sát đều hài lòng với việc áp dụng các quy định của Pháp hơn là IFRS for SMEs. Mặc dù vậy, theo bản kế hoạch chiến lược năm 2011 – 2012 của ANC thì tổ chức này cũng sẽ xem xét nội dung IFRS for SMEs và có thể chỉnh sửa một số nội dung phù hợp với đặc thù các DNNVV ở Pháp tuy nhiên theo tìm hiểu của chúng tôi thì cho đến nay chưa có kết quả nào được công bố.

2.3. Đặc điểm văn bản pháp lý kế toán cho DNNVV ở Romania

Romania là quốc gia có xuất phát điểm từ chủ nghĩa xã hội, hệ thống kế toán chịu ảnh hưởng của

kế toán Pháp nói riêng và trường phái châu Âu lục địa nói chung. Ở quốc gia này, Bộ Tài chính công (the Ministry of Public Finance) là cơ quan chịu trách nhiệm ban hành các văn bản pháp lý chi phối công tác kế toán doanh nghiệp. Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, Romania được xem là nước tiêu biểu cho xu hướng hội tụ IFRS.

Sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội năm 1989, cuộc cách mạng kế toán ở Romania có thể chia làm 3 giai đoạn: giai đoạn 1990-1998 là giai đoạn thiết lập hệ thống kế toán phù hợp với nền kinh tế thị trường; tiếp đó là giai đoạn từ 1999 – 2005: giai đoạn hội tụ với kế toán châu Âu và chuẩn mực kế toán quốc tế; từ 2006 đến nay: giai đoạn tuân thủ hướng dẫn kế toán châu Âu và chuẩn mực quốc tế (Stefan Bunea, 2012). Cuộc cải tổ hệ thống kế toán Romania lần thứ nhất (1990-1998) chịu ảnh hưởng của Pháp. Vì thế, các nguyên tắc kế toán, sơ đồ tài khoản và mẫu biểu báo cáo tài chính chịu ảnh hưởng từ hệ thống kế toán Pháp, do vậy trong giai đoạn này kế toán Romania có các đặc điểm như sử dụng giá gốc, tồn tại mối quan hệ rất gần gũi giữa quy định của kế toán và thuế, bảo thủ, bảo vệ chủ nợ và thông tin kế toán thiếu minh bạch. Giai đoạn thứ 2 của cuộc cải tổ (1999-2005) nhằm vào việc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế cho các doanh nghiệp lớn trong khi các DNNVV áp dụng quy định trên cơ sở chỉ thị số bốn của Ủy ban châu Âu (The Fourth European Directive), đây là quy định chịu ảnh hưởng của trường phái Anglo-Saxon ở một mức độ nhất định. Sở dĩ có sự lựa chọn này là do Romania muốn tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi,

chứng tỏ quốc gia này nơi có quy định pháp lý rõ ràng đảm bảo cho hoạt động kinh doanh. Romania đưa ra các nguyên tắc hết sức linh hoạt, các khái niệm và chính sách kế toán lấy từ chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên thực tế vận dụng cho thấy, ở giai đoạn này mục tiêu đặt ra mới chỉ đạt được phần nào, giá gốc tiếp tục được sử dụng, mối quan hệ giữa thuế và kế toán vẫn tiếp tục duy trì, việc sử dụng các xét đoán nghề nghiệp còn hạn chế, chất lượng thông tin kế toán và tính minh bạch của thông tin còn thấp. Giai đoạn thứ 3 của cuộc cải cách kế toán bắt đầu từ năm 2005 với sự ra đời của OMFP 1752/2005 (thay thế cho OMFP 94/2001). Theo văn bản này thì các chuẩn mực kế toán quốc tế bắt buộc áp dụng đối với các doanh nghiệp vừa và lớn của Romania, đối với các doanh nghiệp nhỏ thì được đơn giản hóa các quy định. Cụ thể, văn bản này quy định khác nhau về nguyên tắc áp dụng và yêu cầu công bố thông tin giữa hai nhóm doanh nghiệp: Nhóm thứ nhất bao gồm các DN thỏa mãn 2 trong 3 đặc điểm: 50 lao động, doanh số 3.650.000 EUR và tổng tài sản 7.300.000 EUR. Các doanh nghiệp này được xem là có quy mô vừa và lớn nên phải công bố bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo về sự thay đổi của vốn chủ sở hữu và bản thuyết minh BCTC, đồng thời các BCTC này yêu cầu phải được kiểm toán. Nhóm còn lại gồm các DN không thỏa đặc điểm trên được xem là DN nhỏ và siêu nhỏ chỉ cần trình bày bảng cân đối kế toán dạng giản đơn, báo cáo kết quả kinh doanh và bản thuyết minh BCTC (Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không bắt buộc).

Nội dung OMEP quy định chủ

yếu dựa theo tinh thần của chuẩn mực quốc tế tuy nhiên khi đưa vào áp dụng nảy sinh một số vấn đề mâu thuẫn liên quan đến nhu cầu thông tin của người sử dụng, thói quen dựa trên quy định chi tiết của người làm kế toán (Rules-Based Approach) (trong điều kiện kế toán ở DNNVV chủ yếu đóng vai trò là người ghi chép kế toán hơn là kế toán thực thụ), thiếu tính xét đoán nghề nghiệp và ảnh hưởng của những định chế tài chính dường như là rào cản lớn. Để tháo gỡ khó khăn, Sau đó, vào năm 2010, Romania lại ban hành OMFP 3055/2010 thay thế OMFP 1752/2005, quy định này yêu cầu các doanh nghiệp Romania tuân thủ theo chỉ thị của châu Âu, tuy nhiên theo đó việc phân nhóm doanh nghiệp và yêu cầu về công bố thông tin nhìn chung vẫn không thay đổi so với quy định trước (tức là doanh nghiệp vừa và lớn vẫn tuân thủ chuẩn mực quốc tế trong khi doanh nghiệp nhỏ được đơn giản hóa quy định hơn) (Albu et al, 2010)

Từ khi Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành IFRS for SMEs, đã có nhiều công trình nghiên cứu về ảnh hưởng và khả năng áp dụng chuẩn mực này vào công tác kế toán tại Romania được công bố. Trong quá trình cải cách hệ thống kế toán, quốc gia này cũng xem xét lợi ích từ việc áp dụng IFRS và kinh nghiệm trong việc vận dụng hệ thống chuẩn mực này cho các doanh nghiệp lớn, từ đó xem xét việc đưa IFRS for SMEs vào áp dụng. Có thể nói, trong khoảng mấy năm trở lại đây, việc nên hay không nên đưa IFRS for SMEs vào áp dụng ở Romania được nghiên cứu rất kỹ lưỡng, tuy nhiên cho đến nay, vấn đề này Romania vẫn chưa

đưa ra quyết định cuối cùng.

2.4. Đặc điểm văn bản pháp lý kế toán cho DNNVV ở Trung Quốc

Trung Quốc là quốc gia có các đặc điểm chính trị, văn hóa, lịch sử cũng như vị trí địa lý gần gũi với VN. Do đó, hệ thống kế toán Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng với hệ thống kế toán VN. Cũng giống như VN, ở Trung Quốc, một cơ quan chính phủ là Bộ Tài chính chịu trách nhiệm ban hành chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn về kế toán. Nghề kế toán ở Trung Quốc bắt đầu được hình thành từ năm 1918. Với sự ra đời của nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung và hệ thống kế toán thống nhất từ những năm 50, nghề nghiệp này gần như bị thui chột. Đến năm 1970 khi cải tổ nền kinh tế, nhu cầu về nghề kế toán lại xuất hiện. Với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về kế toán, kiểm toán, Bộ Tài chính Trung Quốc chịu trách nhiệm soạn thảo và ban hành các quy định pháp luật chung về kế toán, kiểm toán; đồng thời hướng dẫn thực hiện hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp và chế độ kế toán doanh nghiệp cũng như giám sát việc thực hiện các văn bản này. Để thực hiện các chức năng này, Bộ Tài chính có 2 cơ quan giúp việc là Vụ Chế độ kế toán (Accounting Regulatory Department - ARD) và Cục thanh tra giám sát (Supervision Department). Trong đó ARD là đơn vị chịu trách nhiệm soạn thảo, hướng dẫn áp dụng và giám sát thực hiện chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán cho tất cả các ngành, lĩnh vực như doanh nghiệp, hành chính sự nghiệp, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm... Còn Cục thanh tra giám sát việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán, kiểm toán đặt văn phòng ở tất cả các tỉnh, thành phố.

Như vậy có thể thấy cũng giống như Pháp và một số quốc gia khác, tổ chức nghề nghiệp ở Trung Quốc không phát triển mạnh mẽ, vai trò của tổ chức này còn khá hạn chế mà Nhà nước giữ vai trò then chốt trong việc định hướng phát triển nghề nghiệp, quản lý, ban hành các quy định, chính sách, chuẩn mực.

Hành lang pháp lý về kế toán ở Trung Quốc bao gồm Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán doanh nghiệp. Quốc gia này sử dụng song song hai hệ thống: Hệ thống chuẩn mực kế toán (CAS) và hệ thống kế toán doanh nghiệp. Sự phối hợp này cho phép Trung Quốc vừa hội nhập vừa kiểm soát được kế toán tại doanh nghiệp. Theo Xiao et al (2004), việc tồn tại song song hai hệ thống là cần thiết vì hệ thống kế toán doanh nghiệp đã gắn với người kế toán Trung Quốc từ rất lâu nên việc từ bỏ chúng và thay đổi bằng một hệ thống chuẩn mực theo kiểu chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế sẽ khó thực hiện. (Thịnh, 2013). Về bước đi, Trung Quốc thay đổi tùy theo khả năng và yêu cầu của mỗi giai đoạn. Từ năm 1993, với sự tài trợ của Ngân hàng Thế giới, Trung Quốc bắt đầu soạn thảo và ban hành các chuẩn mực kế toán Trung Quốc (CAS). Năm 1998, hệ thống kế toán dành cho các công ty niêm yết ra đời đáp ứng sự phát triển của thị trường chứng khoán và các giao dịch đặc thù của loại hình doanh nghiệp này. Năm 2001, Trung Quốc ban hành hệ thống kế toán doanh nghiệp mới, trước mắt áp dụng cho các công ty niêm yết, các doanh nghiệp khác được khuyến khích sử dụng. Năm 2006, Trung Quốc công bố toàn bộ hệ thống chuẩn mực kế toán, gồm một chuẩn mực chung và 38 chuẩn mực cụ thể, áp dụng cho các công

ty niêm yết từ ngày 01/01/2007, cho các doanh nghiệp nhà nước kiểm soát từ năm 2008 và các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn khác từ năm 2009. Các chuẩn mực kế toán của quốc gia này được phát triển độc lập nhưng dựa trên cơ sở chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS/IAS), bao gồm hầu hết các vấn đề của chuẩn mực quốc tế dù vẫn có những khác biệt nhất định, tuy nhiên nội dung của chuẩn mực có thể cung cấp thêm các đoạn tư liệu giải thích bổ sung

Số lượng các DNNVV Trung Quốc hết sức đông đảo và không ngừng gia tăng. Tuy góp phần quan trọng trong nền kinh tế Trung Quốc nhưng khung pháp lý về kế toán cho các doanh nghiệp này lại không được chuẩn bị kỹ lưỡng như các doanh nghiệp lớn. Theo quy định hiện nay, các công ty niêm yết áp dụng theo chuẩn mực kế toán Trung Quốc trong khi các DNNVV, các công ty không niêm yết vẫn áp dụng hệ thống kế toán doanh nghiệp, nền tảng là hệ thống tài khoản và báo cáo tài chính được quy định thống nhất. Như vậy, quy định kế toán đối với DNNVV không có sự khác biệt đáng kể so với các doanh nghiệp lớn, chỉ giảm bớt một số yêu cầu theo hướng đơn giản hóa (như không bắt buộc lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ). Từ khi Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành IFRS for SMEs năm 2009, Trung Quốc cũng tuyên bố sẽ dựa trên đó để ban hành riêng một bộ chuẩn mực tương tự phù hợp với DNNVV tại quốc gia này, tuy nhiên cho tới nay theo tìm hiểu của tác giả, vẫn chưa có bản dự thảo nào được đưa ra.

3. Bài học kinh nghiệm cho VN

3.1. Đặc điểm văn bản pháp lý kế toán cho DNNVV VN hiện nay

Do đặc điểm lịch sử nên hệ thống kế toán VN chịu ảnh hưởng của trường phái châu Âu lục địa nói chung và kế toán Pháp nói riêng. Ở VN, cơ quan nhà nước, cụ thể là Bộ Tài chính là tổ chức lập quy, chịu trách nhiệm ban hành các văn bản pháp lý về kế toán. Khung pháp lý điều tiết hoạt động kế toán DNNVV hiện nay bao gồm nhiều cấp văn bản: Luật Kế toán và Nghị định hướng dẫn thi hành luật; Hệ thống chuẩn mực kế toán và các thông tư hướng dẫn chuẩn mực; cùng với Chế độ kế toán hướng dẫn thực hành công tác kế toán.

Xét một cách tổng quát thì các quy định pháp lý về kế toán cho DNNVV VN hiện nay có một số điểm tương đồng so với các nước trên thế giới xuất phát từ mục tiêu cung cấp thông tin hữu ích và xu hướng hội tụ kế toán quốc tế. Mặc dù chưa có bộ chuẩn mực kế toán riêng cho DNNVV nhưng VN cũng đã xem xét giới hạn phạm vi áp dụng bộ chuẩn mực hiện tại cho DNNVV. Đồng thời VN cũng có chế độ kế toán riêng áp dụng cho các doanh nghiệp này theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC. Khung pháp lý điều tiết hoạt động kế toán ở các doanh nghiệp này được thiết kế theo hướng dựa trên khung pháp lý kế toán cho doanh nghiệp nói chung, có giảm bớt các nguyên tắc cần tuân thủ, giảm bớt yêu cầu trình bày thông tin, cắt bỏ những quy định về những vấn đề không liên quan hoặc hiếm khi xảy ra ở DNNVV, tuy nhiên việc thu hẹp và rút gọn này còn mang nặng yếu tố cảm tính, chưa được nghiên cứu một cách bài bản, khoa học.

3.2. Bài học rút ra từ việc xem xét đặc điểm khung pháp lý kế toán cho DNNVV ở một số quốc gia.

Những năm gần đây, toàn cầu

hóa hoạt động kinh tế và sự phát triển nhanh chóng của thị trường vốn làm nảy sinh nhu cầu về bộ chuẩn mực báo cáo tài chính được chấp nhận toàn cầu (F.F. Hussain, 2012). Chuẩn mực kế toán quốc tế cho DNNVV (IFRS for SMEs) ra đời để đáp ứng nhu cầu cấp thiết đó và hiện đã có hơn 80 quốc gia đưa vào áp dụng hoặc thông báo kế hoạch áp dụng. (IASB cập nhật đến tháng 7/2013). Một số nước Đông Nam Á như Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Campuchia cũng nằm trong số này. Có thể thấy quy định về kế toán cho DNNVV giữa các quốc gia cũng như trong chuẩn mực kế toán quốc tế có một số điểm khác biệt do bị chi phối bởi đặc điểm môi trường kế toán như văn hóa, chính trị, hệ thống luật pháp,... Đối với Pháp, quốc gia này tách biệt rõ quy định đối với doanh nghiệp niêm yết, dù là doanh nghiệp nhỏ cũng phải áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS), các DNNVV không niêm yết thì quy định kế toán đơn giản hơn, giảm bớt yêu cầu về trình bày và công bố thông tin. Xu hướng trong tương lai, Pháp có kế hoạch ban hành quy định riêng cho các DNNVV trên cơ sở IFRS for SMEs nhưng có chỉnh sửa nội dung phù hợp với đặc thù của DNNVV tại quốc gia này. Trong khi đó, Ủy ban chuẩn mực kế toán Mỹ cũng đang nỗ lực thực hiện dự án ban hành chuẩn mực kế toán riêng cho các công ty tư nhân trên cơ sở IFRS for SMEs nhưng cho đến nay cũng chỉ mới đưa ra một số bản thảo luận, hướng dẫn một số vấn đề liên quan cho các công ty không niêm yết. Romania và Trung Quốc tình hình cũng tương tự. Nhìn chung các nước này đều chung quan điểm ban hành quy định riêng cho các

DNNVV theo hướng đơn giản hóa so với quy định kế toán cho các doanh nghiệp nói chung áp dụng lý thuyết về việc điều chỉnh báo cáo tài chính theo quy mô doanh nghiệp dựa trên sự cân nhắc về nhu cầu thông tin kế toán của các đối tượng sử dụng và mối quan hệ lợi ích - chi phí.

Rõ ràng, chuẩn mực quốc tế cho DNNVV giúp cải thiện khả năng so sánh, tính minh bạch và chất lượng báo cáo tài chính. (Jermakowicz, 2004; Veneziani & Teodori, 2008, theo Albu et al, 2010). Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là chúng ta nên áp dụng nguyên bản bộ chuẩn mực này vào cho DNNVV VN vì sẽ dẫn tới những khó khăn và thách thức nhất định. Những vấn đề khó khăn được Albu và các cộng sự chỉ ra như: bản chất phức tạp của các chuẩn mực, thiếu hướng dẫn, thiếu liên kết giữa báo cáo tài chính và các luật thuế, cách hiểu không thống nhất, sự thay đổi thường xuyên của IFRS, thiếu kiến thức về IFRS, cần thay đổi tư duy của người làm công tác tài chính (Jermakowicz & Gornik-Tomaszewski, 2006; Larson & Street, 2004; Albu et al, 2010); ngoài ra chuẩn mực này được xây dựng theo hướng đưa ra các nguyên tắc (Principles-Based) hơn là đi sâu vào các quy định cụ thể (Rules-Based) nên khó đưa vào áp dụng trong điều kiện VN. Qua tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy hiện nay có hai xu hướng: hướng thứ nhất, một số quốc gia (Brazil, Nam Phi, Hồng Kông, Thổ Nhĩ Kỳ, Singapore, Malaysia, Philippines,...) đưa nguyên bản IFRS for SMEs vào áp dụng cho DNNVV tại quốc gia mình (Hana Bohusova, 2011); Hướng thứ hai được nhiều quốc gia (như Mỹ, Pháp, Trung Quốc,...) lựa chọn đó

là dựa trên chuẩn mực kế toán quốc tế để xây dựng riêng bộ chuẩn mực phù hợp với đặc điểm các DNNVV tại nước mình. VN không thể tách mình ra khỏi các xu thế đó.

Trong điều kiện các DNNVV VN, cũng giống như đã làm đối với các doanh nghiệp lớn, hướng khả thi nhất đối với VN là nên chọn con đường thứ hai trong hai xu thế nói trên bởi vì hội tụ với kế toán quốc tế mang lại lợi ích cho các nước đang phát triển, nó đưa đến cho các nước này hệ thống các chuẩn mực được soạn thảo kỹ lưỡng cũng như nền tảng kế toán và các nguyên tắc kế toán có chất lượng cao nhất (Wolk, Francis & Tearney, 1989; Zeghal & Mhedhbi, 2006), mặt khác các quy định này được thiết kế, chỉnh sửa lại sẽ phù hợp hơn trong điều kiện VN.

4. Kết luận

Nói tóm lại, tạo ra sự tương thích trong sự phù hợp với môi trường pháp lý, môi trường kinh doanh, môi trường văn hóa luôn là vấn đề có tính nguyên tắc khi xây dựng hệ thống văn bản pháp lý kế toán áp dụng cho doanh nghiệp nói chung và áp dụng cho DNNVV nói riêng. Việc nghiên cứu và học tập kinh nghiệm để có cơ sở khoa học khi nghiên cứu và soạn thảo hành lang pháp lý kế toán cho DNNVV phù hợp với đặc thù của nền kinh tế VN chứ không phải là sao chép và sử dụng một cách máy móc nhằm giúp hoạt động kế toán tại các doanh nghiệp này được thực hiện trong khuôn khổ pháp lý hoàn chỉnh●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tài chính (2006), *Chế độ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa*, theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006, Bộ Tài chính, Hà Nội.

- Bộ tài chính (2006), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Bộ tài chính, Hà Nội.
- Cătălin Nicolae Albu and Nadia Albu, Szilveszter Fekete (2010), “The context of the possible IFRS for SMEs implementation in Romania, An exploratory Study”, *Accounting And Management Information Systems*, vol 9, No.1: 45-71.
- Daniel Zeghal, Karim Mhedhbi (2006), “An analysis of the factors affecting the adoption of international accounting standards by developing countries”, *The International Journal of Accounting* No. 41 (2006): 373-386.
- Hongxia Liu & Ali Salman Saleh (2009), “The development of a financial index to examine the financial performance of SMEs in China”, *Asia Pacific Journal of Economics & Business*, Vol.13 No.1, June 2009: 57-62.
- Songlan Peng (2005), *The harmonization of Chinese accounting standards with international accounting standards: An Empirical evaluation*, Thesis, ProQuest Dissertation and Thesis.
- Stefan Bunea, Marian Săcărăn & Mihaela Minu (2012), “Romanian professional accountants’ perception on the differential financial reporting for small and medium-sized enterprises”, *Accounting and Management Information Systems*, Vol.11, No.1: 27-43.
- Trần Quốc Thịnh (2013), *Định hướng xây dựng chuẩn mực báo cáo tài chính VN đáp ứng xu thế hội tụ kế toán quốc tế*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Đại học kinh tế TP.HCM.
- http://www.anc.gouv.fr/sections/textes_et_reponses_2/reponses_aux_questio/efrag/22_avril_2010_efrag/downloadFile/file/22_avril_2010_efrag_IFRS_for_SMEs_with_the_EU_Accounting_Directives.pdf?nocache=1272619940.13 access 26/07/2013
- http://www.anc.gouv.fr/sections/normes_privées/rapports/projet_ifrs-pme_iasb5017/downloadFile/file/projet_ifrs-pme_iasb_ang.pdf?nocache=1317192725.33 access 26/07/2013
- http://www.anc.gouv.fr/sections/l_anc/presentation_detail/plan_strategique_de/downloadFile/file/Plan_strategique_de_l_Anc_2010-2011.pdf?nocache=1283247115.54 access 26/07/2013
- http://www.anc.gouv.fr/sections/nos_publications/nos_publications_fic/small_listed_compani/downloadFile/file/Small_listed_companies_-_MAJ_oct_2011_VDEF.pdf?nocache=1318521111.88 access 26/07/2013
- http://www.anc.gouv.fr/sections/nos_publications/nos_publications_fic/plan_strat_anc_2011-/downloadFile/file/plan_strat_anc_2011_2012.pdf?nocache=1326902771.39 access 26/07/2013
- http://www.anc.gouv.fr/sections/textes_et_reponses_2/reponses_aux_questio/iasb/documents_2013/anc_ed_2013_05_regul/downloadFile/file/ANC_ED_2013_05_Regulatory_Deferral_Accounts.pdf?nocache=1374564529.41 access 26/07/2013
- <http://www.ifrs.org/IFRS-for-SMEs/Documents/Fact-Sheet/SME-Fact-Sheet-July-2013.pdf> access 02/11/2013
- <http://www.fasb.org/cs/ContentServer?c=Page&pagename=FASB%2FPage%2FSectionPage&cid=1351027243391> access 02/11/2013
- http://www.fasb.org/jsp/FA SB / Document _ C / DocumentPage&cid=1176162350559 access 02/11/2013

Ứng dụng mô hình Z-score....

(Tiếp theo trang 50)

4. Kết luận

Với khả năng ứng dụng cao và hiệu quả Z – score trong dự báo khả năng phá sản của doanh nghiệp giúp NHTM theo dõi, kiểm soát rủi ro tín dụng của mình, Z – score có thể xem là công cụ hỗ trợ đắc lực trong quá trình quản trị rủi ro tín dụng tại các NHTM. Điều này giúp hệ thống NHTM hoạt động an toàn và hiệu quả hơn trong tương lai ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Altman, Edward (1968), *Financial Ratios, Discriminant Analysis and the Prediction of Corporate Bankruptcy*.
- Altman, Edward (2000), *Predicting Financial Distress of Companies*.
- Altman, Edward (2002), *Revisiting Credit Scoring Models in a Basel II Environment*.
- Basel II - Bản tiếng Anh
- Công ty cổ phần Bibica (2011), *Báo cáo tài chính*.
- Frederic S.Mishkin (2004), *The Economics of Money, Banking and Financial market*, 7th Edition.
- Gay Hatfield & Carol Lancaster (2000), *The signaling effects of Bank loan – loss reverse additions*.
- Kyung-Shik Shin, Yong-Joo Lee (2002), *A genetic algorithm application in bankruptcy prediction modeling*.
- Leonardo Becchetti, Jaime Sierra (2003), *Bankruptcy risk and productive efficiency in manufacturing firms*.
- Ming-Yuan Leon Li, Peter Miu (2010), *A hybrid bankruptcy prediction model with dynamic loadings on accounting-ratio-based and market-based information: A binary quantile regression approach*.
- Tomasz Korol (2013), *Early warning models against bankruptcy risk for Central European and Latin American enterprises*.
- Y. Wu, C. Gaunt, S. Gray (2010), *A comparison of alternative bankruptcy prediction models*.